

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 26/08/2025

V/v tranh chấp “Xin ly hôn,
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Ngọc**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đặng Thế Ứng**

2. Bà **Đặng Thị Tiềm**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Nguyễn Như Dzoãn** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 283/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 về tranh chấp “Xin ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Phương T**, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ hiện nay: Xã H, tỉnh Đồng Tháp

Bị đơn: Anh **Võ Huỳnh L**, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp X, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Địa chỉ hiện nay: Xã H, tỉnh Đồng Tháp

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai cùng ngày 21/5/ 2025 và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị **Phạm Phương T** trình bày: Chị T và anh **Võ Huỳnh L** tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, anh L có quan hệ phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng đã ly thân từ năm 2024 cho đến nay.

- Về con chung: chị T và anh L có 02 con chung tên **Võ Phạm Hoàng L1**

sinh ngày 24/9/2012 và Võ Phạm Duy L2 sinh ngày 28/10/2017, hiện các con đang sống với chị T.

- Về tài sản chung: Không tranh chấp, tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Không có.

Nay chị Phạm Phương T yêu cầu ly hôn anh Võ Huỳnh L; Yêu cầu nuôi con chung không yêu cầu cấp dưỡng.

Bị đơn anh Võ Huỳnh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý, tại biên bản hòa giải anh L trình bày: Thống nhất như lời trình bày của chị Phạm Phương T, anh và chị T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, có đăng ký kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2022 phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do anh có quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2024 đến nay.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Võ Phạm Hoàng L1, sinh ngày 24/9/2012 và Võ Phạm Duy L2 sinh ngày 28/10/2017, hiện các đang sống với chị Thúy.

Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Nay anh Võ Huỳnh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Phạm Phương T vì anh còn thương vợ thương con. Trường hợp Tòa cho ly hôn anh yêu cầu nuôi 02 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, bị đơn anh Võ Huỳnh L cư trú: Ấp X, xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã H, tỉnh Đồng Tháp). Do đó, tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đối với bị đơn anh Võ Huỳnh L nhưng anh vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Phạm Phương T trình bày, do quen biết chị và anh L tiến tới hôn nhân, được Ủy ban nhân dân xã H1, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 08/2012 vào ngày 30/01/2012, đây là hôn nhân hợp pháp, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn và chính thức ly thân từ năm 2024 đến nay, nguyên nhân theo chị T là do anh L không chung thủy, anh L vắng mặt

tại biên bản hòa giải, anh L thống nhất như lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn, thời gian ly thân, con chung, tài sản chung và nợ, tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì còn thương vợ con. Xét thấy, anh L mong muốn gia đình đoàn tụ nhưng tại phiên Tòa án vắng mặt không lý do, còn chị T cương quyết xin ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị T và anh L có 02 con chung tên Võ Phạm Hoàng L1, sinh ngày 24/9/2012 và Võ Phạm Duy L2 sinh ngày 28/10/2017, khi ly hôn chị T có yêu cầu được nuôi con chung, anh L vắng mặt nhưng tại biên bản hòa giải anh trình bày nếu Tòa cho ly hôn anh cũng có yêu cầu nuôi con chung. Xét thấy, từ khi ly thân đến nay 02 con con chung sống với chị T, các cháu được nuôi dưỡng tốt, khỏe mạnh và phát triển bình thường, ngoài ra cả hai cháu đều có văn bản trình bày ý kiến mong muốn sống với mẹ sau khi cha, mẹ ly hôn, để tránh xáo trộn về mặt tâm sinh lý cũng như đảm bảo cuộc sống và sự phát triển bình thường của các cháu nên Hội đồng xét xử quyết định giao các con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp theo điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu anh Võ Huỳnh L cấp dưỡng nuôi con chung, đây là sự tự nguyện của đương sự phù hợp quy định nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Phạm Phương T được ly hôn với anh Võ Huỳnh L.

2. Về con chung: Giao các cháu Võ Phạm Hoàng L1, sinh ngày 24/9/2012 và Võ Phạm Duy L2 sinh ngày 28/10/2017 cho chị Phạm Phương T tiếp tục nuôi dưỡng.

Anh L được quyền tới thăm nom con chung không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

3. Về cấp dưỡng: Anh Võ Huỳnh L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu.

4. Về án phí: Chị Phạm Phương T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chị đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003416 ngày 21/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nên không phải nộp tiếp.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 4, tỉnh Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Kim Ngọc